

đúng quyết định xử lý cho kế toán, thủ quỹ của cơ quan, tổ chức để nộp ngân sách nhà nước.

b) Kế toán cơ quan, tổ chức khi nhận tiền bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng do cán bộ, công chức nộp phải lập các chứng từ thu tiền theo chế độ hiện hành và lập bảng kê nộp vào Kho bạc nhà nước.

c) Tiền bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức do cấp nào quản lý nộp ngân sách cấp đó và hạch toán như sau:

- Nếu đơn vị nộp tiền bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng cho những năm trước: nộp theo chương, loại, khoản tương ứng mà cơ quan, tổ chức đã chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Mục 062 "Thu khác", tiểu mục 02 "Thu hồi các khoản chi năm trước".

- Nếu đơn vị nộp tiền bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng trong năm: nộp giảm cấp phát theo chương, loại, khoản, mục đã chi.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành thống nhất với thời điểm hiệu lực của Nghị định số 96/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tổ chức, thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thứ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

## THÔNG TƯ số 08/2000/TC-TCĐN ngày 19/1/2000 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/1999/TT-BTC ngày 07/6/1999 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý doanh thu, chi phí và giá thành sản phẩm, dịch vụ tại các doanh nghiệp nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 59/CP ngày 03/10/1996 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 27/1999/NĐ-CP ngày 20/4/1999 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tài chính nói trên, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 63/1999/TT-BTC ngày 07/6/1999 hướng dẫn việc quản lý doanh thu, chi phí và giá thành sản phẩm, dịch vụ tại các doanh nghiệp. Để phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điều 1.4 điểm 1 Phần B Mục II Thông tư số 63/1999/TT-BTC như sau:

1. Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn được tính trên cơ sở quỹ tiền lương của doanh nghiệp theo các chế độ hiện hành của Nhà nước.

Chi phí cho tổ chức Đảng, đoàn thể được lấy từ nguồn kinh phí của tổ chức này, nếu nguồn kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể không đủ để chi thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Chi phí hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp được thực hiện như sau:

- Lương và phụ cấp có tính chất lương của cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của các tổ chức Đảng, đoàn thể được hạch toán vào chi phí và giá thành sản phẩm, dịch vụ theo quy định tại Thông tri số 03/TT/TC-TW ngày 16/6/1993 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện

quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của cán bộ, công nhân viên chức cơ quan Đảng, đoàn thể.

- Ngoài phần kinh phí của các tổ chức Đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp được chi từ nguồn quy định tại Công văn số 517/TC-TCQT ngày 30/10/1992 của Ban Tài chính quản trị Trung ương hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí; Thông tư liên Bộ số 103/TTLB ngày 02/12/1994 của Bộ Tài chính - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn trích nộp kinh phí công đoàn; hội phí, đoàn phí của các tổ chức đoàn thể khác nếu thiếu thì doanh nghiệp được hạch toán phân chênh lệch thiếu vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp để bổ sung kinh phí cho các tổ chức trên.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 27/1999/NĐ-CP ngày 20/4/1999 của Chính phủ có hiệu lực. Các quy định khác vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/1999/TT-BTC ngày 07/6/1999 của Bộ Tài chính./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

*Thứ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

**THÔNG TƯ số 10/2000/TT-BTC ngày 01/2/2000 hướng dẫn việc kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của các cơ sở kinh doanh xuất bán tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh, thành phố khác và xuất bán qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.**

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Nhằm hướng dẫn việc thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng phù hợp với tổ chức kinh doanh của các cơ sở kinh doanh và phù hợp với Thông tư số 140/1999/TT-BTC ngày 02/12/1999 hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Thông tư số 73 -TC/TCT ngày 20/10/1997 và Thông tư số 17/1999/TT-BTC ngày 05/2/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường; việc kê khai nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của các cơ sở kinh doanh xuất bán tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh, thành phố khác và xuất bán qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng như sau:

**I. Đối với hàng hóa các cơ sở kinh doanh xuất bán tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh, thành phố khác nơi đặt văn phòng trụ sở chính của cơ sở sản xuất, kinh doanh.**

1. Lập và luân chuyển hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa xuất kho và tiêu thụ nội bộ:

a) Khi cơ sở sản xuất kinh doanh xuất hàng hóa đến các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, cửa hàng... ở các tỉnh, thành phố khác nơi đặt văn phòng trụ sở chính\* phải lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, kèm theo lệnh điều động nội bộ của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

b) Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc bao gồm chi nhánh và cửa hàng... khi bán hàng hóa phải lập hóa đơn giá trị gia tăng hàng hóa bán ra theo quy định.

Đối với hàng hóa bán ra là hàng hóa do Công ty, đơn vị cấp trên điều động, giao bán thì các đơn vị trực thuộc căn cứ vào số lượng, giá bán của hàng hóa đã bán lập Bảng kê hóa đơn hàng hóa bán ra chuyển về Công ty, đơn vị cấp trên để lập hóa đơn cho hàng hóa theo quy định tại điểm 1c mục này. Bảng kê hóa đơn của hàng hóa điều động nội bộ tiêu thụ trong tháng được lập theo mẫu số 02/GTGT (ban hành kèm theo Thông